

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/DS-PT

Ngày 19-9-2026

V/v Yêu cầu chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Ông Phùng Đức Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2026/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026, về việc Yêu cầu chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2026/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2026/QĐ-PT, ngày 20/8/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐ-PT, ngày 08/9/2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Hoàng Bích H, sinh năm 1978; số CCCD 020178008***; cư trú tại: Đường B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Bà Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1983; số CCCD 02018300***; cư trú tại: Đường B, phường N, thành phố Đà Nẵng; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị Thanh H: Anh Trần Văn K, sinh năm 1990 - Luật sư công ty Luật TNHH S thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Xã S, thành phố Hà Nội; có mặt;

3. Bà Hoàng Thị Vân T, sinh năm 1974; số CCCD 020174002***; cư trú tại: Đường B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Vân T là bà Hà Thị T, sinh năm 1964; số CCCD 020164005***; cư trú tại: Đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/12/2025); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Hồng C, sinh năm 1978; số CCCD 020178007***; địa chỉ: Đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Hồng C: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966, số CCCD 020066001***; địa chỉ: Đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/01/2026); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, ông Nguyễn Tử K - Là các Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn T - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội – Chi nhánh tại Lạng Sơn, địa chỉ: Đường L, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, có mặt; ông Nguyễn Tử K, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Hoàng Thị Thúy H, sinh năm 1978; số CCCD 020178001***; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị Hoài T, sinh năm 1981; số CCCD 020181001***; địa chỉ: Đường B, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường T, khối Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Hồng H: Chị Lương Huyền M, sinh năm 1985, số CCCD 020185001***; địa chỉ: Đường T, khối Đ, phường L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2026); có mặt.

4. Anh Hoàng Quốc T, sinh năm 1997; số CCCD 020097004***; địa chỉ: Đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Anh Hoàng Quốc H, sinh năm 2000; số CCCD 020200003***; địa chỉ: Đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn C, xã N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ liên hệ: Đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Bà Vi Thị Quỳnh M - Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị Quỳnh M: Bà Ngô Thị H - Công chức phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường K (Quyết định ủy quyền số 527/QĐ-UBND ngày 17/4/2026); vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn K, xã V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Vân T, bà Thị Thanh H là các nguyên đơn; bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Thị Hoài T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bà Nguyễn Hồng C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các nguyên đơn Hoàng Bích H, Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Thị Vân T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hoàng Thị Vân T là bà Hà Thị T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hoàng Thị Thanh H là anh Trần Văn K, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thúy H trình bày:

Ông Hoàng T (đã chết năm 2021) chung sống với bà Hà Thị T (chết năm 1986) từ năm 1970. Không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, năm 1980 được Ủy ban nhân dân xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn xác nhận, tại sơ yếu lý lịch tự khai của ông Hoàng T khai bà Hà Thị T là vợ. Ông Hoàng T và bà Hà Thị T sinh được 05 người con gồm: Hoàng Thị Vân T, sinh năm 1974; Hoàng Thị Thúy H sinh năm 1978; Hoàng Bích H sinh năm 1978; Hoàng Thị Hoài T sinh năm 1981; Hoàng Thị Thanh H sinh năm 1983, không có con riêng cũng như không có con nuôi nào khác.

Ông Hoàng T có bố đẻ là Hoàng Thanh B (chết năm 1989), mẹ là bà Đàm Thị C (chết năm 1978), bà Hà Thị T có bố là ông Hà Phúc T (chết năm 1954) và mẹ là bà Chu Thị N (chết năm 2009).

Bà Chu Thị N có duy nhất một người con là bà Hà Thị T, cha đẻ, mẹ đẻ bà Hà Thị T chết trước bà Chu Thị N.

Ngày 24/3/1986, bà Hà Thị T chết do bệnh nặng không để lại di chúc, không có nghĩa vụ tài sản phải trả, chi phí mai táng của bà không yêu cầu xem xét. Sau khi bà Hà Thị T chết, gia đình gồm chồng, các con, mẹ đẻ của bà T không thực hiện việc phân chia di sản thừa kế gắn liền với nhà đất tại đường T mà cùng nhau tiếp quản và sử dụng cho đến nay.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021 ông Hoàng T chết không để lại di chúc, chi phí mai táng của ông không yêu cầu xem xét.

Về tài sản, Năm 1983 ông Hoàng T và bà Hà Thị T có mua đất và làm nhà trình tường tại đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ngày 13/11/2003 được Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 164, tờ bản đồ số 31, diện tích 94,5m², tại đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, mang tên hộ ông Hoàng T.

Thửa đất là do ông Hoàng T và bà Hà Thị T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn P rộng 12m, sâu 15,6m, thời điểm nhận chuyển nhượng đất là đang trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Hoàng T với bà Hà Thị T.

Năm 1990 ông Hoàng T kết hôn lần thứ hai với bà Nguyễn Thị V, sinh được người con Nguyễn Hồng H, sinh 1991. Đến năm 1993 ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị V ly hôn, tại Bản án năm 1993 của Tòa án thị xã Lạng Sơn thì Nguyễn Hồng H có tên là Hoàng Thị H, còn tại Quyết định số của Ủy ban nhân

dân tỉnh Lạng Sơn về việc thay đổi họ, tên và chữ đệm thì Nguyễn Hồng H có tên là Hoàng Thanh H. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị V đã được chia đất, chiều rộng là 3 mặt tiền, chiều sâu 15,6m chiều sâu, mảnh đất này bà Nguyễn Thị V đã bán cho ông Nghiêm Quang N.

Ngày 31/7/1997 ông Hoàng T đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Hồng C tại Ủy ban nhân dân xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, sinh được 02 người con chung là Hoàng Quốc T, sinh năm 1997 và Hoàng Quốc H, sinh năm 2000.

Trong khoảng năm 1997, thành phố Lạng Sơn xây chợ Giếng Vuông. Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn thu hồi một phần đất thửa 164 với mặt tiền 3,87m, chiều sâu 15,6m. Gia đình được số tiền bồi thường hơn 300.000.000 đồng và một lô đất ở tái định cư Mĩ Sơn - phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn. Đất này khi còn sống ông Hoàng T và bà Nguyễn Hồng C đã bán.

Sau khi nhà cũ bị thu hồi đất, gia đình dùng toàn bộ số tiền được nhận đền bù đất để xây căn nhà 03 tầng như hiện nay. Ông Hoàng T vẫn cho thuê mặt bằng tầng 1 phía trước từ năm 2004 đến khi ông Hoàng T chết. Từ tháng 11/2021 bà Nguyễn Hồng C tiếp tục cho anh Phạm Văn Q thuê bán quần áo biển hiệu Thời trang Kowil (Owen) với giá 07 triệu đồng/tháng cho đến nay.

Đối với bà Chu Thị N là mẹ đẻ của bà Hà Thị T, bà Chu Thị N có hộ khẩu năm 1986 với hộ ông Hoàng T, bà Chu Thị N thỉnh thoảng cũng ở cùng với gia đình tuy nhiên không nhớ rõ bà ở cùng với gia đình vào những năm cụ thể nào.

Năm 2007 bà Hoàng Thị Thanh H kết hôn và cùng chồng con sinh sống tại Cần Thơ, cắt hộ khẩu đi. Năm 2018 bà Hoàng Thị Thanh H về sống tại đường T thì nhập lại hộ khẩu để các con học tập. Từ năm 2025 đến nay bà Hoàng Thị Thanh H cùng các con sống tại Đà Nẵng.

Bà Hoàng Bích H lấy chồng và sinh sống tại nhà chồng từ năm 2014 khoảng 04 đến 05 năm nhưng không đăng ký kết hôn, không cắt hộ khẩu, khi chồng chết thì lại về ở cùng ông Hoàng T, thỉnh thoảng sang nhà các em gái ở, hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh được gần 02 năm

Bà Hoàng Thị Vân T năm 1991 bị lừa sang Trung Quốc, sau đó đã lấy chồng Trung Quốc, vẫn thường xuyên đi lại giữa Việt Nam và Trung Quốc, được cấp visa tại Trung Quốc từ năm 2015 đến nay và có hộ chiếu đi lại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Trong “Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú” số 337 CN cấp cho Chủ hộ là ông Hoàng T ngày 09/03/1991 thể hiện bà Hoàng Thị Vân T cư trú tại Trung Quốc.

Các nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn nhất trí kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà Tòa án đã thực hiện, đề nghị sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

Các nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Đề nghị Toà án xác định căn nhà 03 tầng, mái lợp tôn, móng cột bê tông cốt thép, tổng diện tích sử dụng là 283,5 m² và quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn theo hiện trạng đo đạc thực tế 96,7m² là di sản do bà Hà Thị T và ông Hoàng T để lại.

- Đề nghị chia di sản thừa kế của bà Hà Thị T và ông Hoàng T theo pháp luật do không để lại di chúc.

Xác định hàng thừa kế để chia theo quy định của pháp luật

Hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm 07 người: Bà Chu Thị N, ông Hoàng T và 05 người con là Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H;

Bà Chu Thị N chết năm 2009 không để lại di chúc. Xác định hàng thừa kế thứ hai của bà Chu Thị N gồm 05 người cháu ngoại là: Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H được hưởng thừa kế là phần bà Chu Thị N khi được hưởng từ bà Hà Thị T.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng T gồm: bà Nguyễn Hồng C và 08 người con đẻ gồm: Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H, Nguyễn Hồng H, Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H.

Yêu cầu chia như sau:

Đối với di sản của bà Hà Thị T là $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, chia thành 07 phần cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Bà Chu Thị N (mẹ đẻ), ông T (chồng) và 05 người con là Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H.

* Đối với phần di sản mà khi còn sống bà Chu Thị N được hưởng từ bà Hà Thị T: $\frac{1}{14}$ căn nhà và $\frac{1}{14}$ quyền sử dụng đất chia thành 05 phần bằng nhau cho những người cháu ngoại thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà Chu Thị N là: Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H.

Đối với phần di sản của ông Hoàng T là $\frac{8}{14}$ nhà và đất (gồm $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất cộng với $\frac{1}{14}$ giá trị tài sản mà ông Hoàng T thừa kế từ bà Hà Thị T) chia thành 09 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng $\frac{4}{63}$ giá trị tài sản là nhà và đất, cho 09 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng T là Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Thuý H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thanh H, Nguyễn Hồng H, Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H.

Đề nghị Toà án chia cho các nguyên đơn được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là nhà và đất, các nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

Các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết mai táng phí của Tiên, bà Hà Thị T, bà Chu Thị N, không yêu cầu giải quyết tiền tử tuất của ông Hoàng T. Còn tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng T thể hiện chưa nộp

lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất là 20% đến nay vợ và các con ông Hoàng T xác nhận chưa ai thực hiện nộp các khoản này cho Nhà nước.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng C, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Tháng 02 năm 1996, bà Nguyễn Hồng C và ông Hoàng T về chung sống với nhau tại địa chỉ đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1997, bà Nguyễn Hồng C và ông Hoàng T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Khi bà Nguyễn Hồng C đến ở hiện trạng ngôi nhà là nhà cấp 4 được chia thành hai phần: Phần mặt giáp đường là nhà cấp 4 lợp ngói xây bằng gạch nung, phần phía sau là nhà chát vách lợp ngói. Bà Nguyễn Hồng C và ông Hoàng T có 02 người con chung là Hoàng Quốc T và Hoàng Quốc H, khi đó ông Hoàng T, bà Nguyễn Hồng C cùng các con riêng của ông Hoàng T với bà Hà Thị T đều chung sống tại ngôi nhà này.

Khoảng năm 2000, Nhà nước thông báo thu hồi một phần diện tích đất của gia đình diện tích khoảng hơn 60m² để làm đường xuống chợ Giếng Vuông.

Khoảng đầu năm 2003, bà Nguyễn Hồng C và ông Hoàng T tháo dỡ ngôi nhà cấp 4 cũ, bà và ông Hoàng T lấy tiền được đền bù đất để xây dựng ngôi nhà 3 tầng như hiện nay, việc bàn giao, nhận tiền đền bù và xây nhà đều do ông Hoàng T thực hiện.

Ngày 13/11/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 31, diện tích 94,5m² mang tên hộ ông Hoàng T.

Khoảng tháng 8/2018, ông Hoàng T bắt đầu bị ốm. Tháng 4/2019, bệnh tình của ông Hoàng T trở nặng hơn nên bà Nguyễn Hồng C phải ở nhà để chăm sóc ông Hoàng T, không thể đi làm để có thu nhập. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến năm 2021, do việc chạy chữa cho ông Hoàng T tốn kém lại không có nguồn thu nhập nên bà đã mượn của anh Phạm Văn Q số tiền khoảng 180 triệu đồng, chia thành nhiều lần mượn, mỗi lần giao nhận bằng tiền mặt, sau này bà đã trả dần cho anh Phạm Văn Q thành nhiều lần đến nay đã trả xong, bà không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này.

Kể từ khi xây nhà xong năm 2004 ngôi nhà liên tục cho thuê tầng 1 cho đến nay, sau nhiều người thuê, đến khoảng năm 2020 anh Phạm Văn Q thuê và không sửa chữa gì, giá thuê nhà là 7.000.000 đồng/01 tháng.

Năm 2021, ông Hoàng T chết bà là người đứng ra lo hậu sự cho ông Hoàng T. Toàn bộ tiền phúng viếng sử dụng để trả tiền mai táng của ông Hoàng T hết, sau khi ông Hoàng T chết toàn bộ việc thờ cúng đều do 03 mẹ con bà thực hiện. Bà và hai con trai không yêu cầu giải quyết về mai táng phí, tử tuất của ông Hoàng T, ông Hoàng T không có nợ cá nhân ai. Giấy chứng quyền sử dụng

đất cấp cho hộ ông T vẫn nợ tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất 20% đến nay chưa ai thực hiện.

Việc phía nguyên đơn trình bày về các thành viên trong gia đình đến bố mẹ của ông Hoàng T và bà Hà Thị T, các con của những người vợ trước của ông Hoàng T là đúng. Về nguồn gốc nhà đất tại đường T bà không nắm được cụ thể, chỉ biết từ năm 1996 khi về lấy ông Hoàng T đã có nhà đất như đã trình bày ở trên, đến năm 2003 bà và ông Hoàng T xây dựng lại và giữ nguyên hiện trạng đến hiện nay, nhà đất này nguồn gốc là tài sản của ông Hoàng T, sau đó khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng T có ghi tên bà Nguyễn Hồng C là vợ và Nhà nước đã cấp cho hộ gia đình trong đó có bà.

Ông Hoàng T đã chết, nhà đất đang tranh chấp tại đường T là di sản thừa kế của ông Hoàng T để lại cho vợ hợp pháp là bà Nguyễn Hồng C và 08 người con mỗi người được 01 kỷ phần, trong đó bà và đề nghị được thêm 01 kỷ phần về công sức tôn tạo, quản lý thờ cúng ông Hoàng T. Bà và anh Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H hiện nay đều đang sinh sống và quản lý nhà đất tại số 102, đường Trần Đăng Ninh. Do đó đều đề nghị là người được chia di sản bằng hiện vật và sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho các thừa kế khác và bà đứng ra trả tiền cho các thừa kế còn lại cũng như nộp các chi phí tố tụng, án phí phần của bà và anh Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn nhất trí kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà Tòa án đã thực hiện, đề nghị sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hồng H, người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Hồng H chị Lương Huyền M trình bày: Chị Nguyễn Hồng H là con đẻ của ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị V kết hôn năm 1990 đến năm 1993 ông Hoàng T và bà Nguyễn Thị V đã ly hôn, chị đề nghị được hưởng phần di sản của ông Hoàng T để lại theo quy định của pháp luật và được hưởng bằng tiền mặt. Về tên gọi là Nguyễn Hồng H còn có tên là Hoàng Thanh H, Hoàng Thị H. Trong hộ khẩu thường trú năm 1991 của ông Hoàng T có tên chị Lương Huyền M vì là con riêng của bà Nguyễn Thị V với chồng trước, sau khi bà Nguyễn Thị V ly hôn với ông Hoàng T thì bà Nguyễn Thị V, chị Lương Huyền M và chị Hoàng Thanh H đã cắt khẩu đi nơi khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q trình bày:

Ông thuê tầng 1 đường T khoảng 10 năm nay, khi thuê ông không sửa sang, coi nói hay đầu tư gì, cơ sở vật chất là của chủ nhà, ông chỉ bày bán quần áo. Khi ông Hoàng T còn sống ông được thuê và ký hợp đồng thuê và trả tiền ông Hoàng T. Từ khi ông Hoàng T chết thì ông thuê và ký hợp đồng với bà Nguyễn Hồng C, trả tiền thuê là 7.000.000 đồng/tháng. Ông đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn trình bày:

Diện tích 2,2m² thuộc một phần của thửa 164, tờ bản đồ địa chính số 31 năm 1997; thửa 17, tờ bản đồ địa chính chỉnh lý số 29 năm 2022. Trên cơ sở file Trích đo do Công ty Cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường Sông Tô - Chi nhánh Lạng Sơn cung cấp, cơ bản thấy không có chênh lệch giữa file đo đạc và bản đồ. Bản đồ đo đạc năm 1997 và Bản đồ chỉnh lý đo năm 2022 về ranh giới trùng nhau. Đối chiếu Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất kèm theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phần diện tích 2,2 m² nêu trên thể hiện quy hoạch là Đất ở tại đô thị. Như vậy, ranh giới trùng khớp, hình thể thửa đất trùng khớp, tuy nhiên diện tích đo đạc thực tế là 96,7m², chênh lệch nhiều hơn 2,2m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 94,5m² là do sai số đo đạc, vì ranh giới thửa đất rõ ràng, không có hiện tượng lấn chiếm.

Người làm chứng bà Hoàng Thị P trình bày: Bà là chị gái ruột của ông Hoàng T, là chị em sinh đôi với ông Hoàng T, ông Hoàng T và bà Hà Thị T kết hôn năm 1970, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Khoảng năm 1983, bà được cùng bà Hà Thị T lên thị xã Lạng Sơn mua đất, bà được chứng kiến bà Chu Thị N đưa cho bà Hà Thị T 300.000 đồng, được chứng kiến bà Hà Thị T trả tiền người bán đất, cụ thể việc mua bán đất giữa các bên như thế nào, giá cả ra sao, viết giấy tờ như thế nào bà không nắm được.

Xác định diện tích đất tranh chấp là thực tế là 96,7m² thuộc thửa 164 cũ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/11/2003 mang tên hộ ông Hoàng T, trên đất có nhà 03 tầng, nhà cấp 3, mái lợp tôn, kết cấu bê tông cốt thép chịu lực xây dựng năm 2003.

Giá trị quyền sử dụng đất là 130.000.000đ/m² x 96,7 m² = 12.571.000.000 đồng. Giá trị tài sản trên đất nhà 03 tầng 109.376.251 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất 12.680.376.251 đồng.

Hộ ông Hoàng T phải còn nợ Lệ phí trước bạ 27.783.000 đồng, tiền sử dụng đất còn nợ 37.800.000 đồng. Tổng là 65.583.000 đồng.

Bản án sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05-5-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn đã:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về tiền thuê nhà từ tháng 11/2021 tháng 5/2026 là 385.000.000 đồng đối với nhà đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Vân T về chia di sản thừa kế của ông Hoàng T, không chấp nhận yêu cầu chia di sản đối với bà Hà Thị T, bà Chu Thị N.

3. Xác định di sản thừa kế, phân chia di sản thừa kế theo pháp luật: Xác định diện tích 96,7m² đất ở thuộc thửa đất 164, tờ bản đồ địa chính số 31 phường H (nay là phường K), tỉnh Lạng Sơn (Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 31, diện tích 94,5m², đo đạc thực tế là 96,7m², việc chênh lệch 2,2m² là do sai số đo

đặc) và nhà 03 tầng trên đất có địa chỉ tại đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn là di sản do ông Hoàng T để lại có tổng giá trị là 12.614.793.251 đồng (mười hai tỷ, sáu trăm mười bốn triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi một đồng).

4. Về hàng thừa kế: Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Hoàng T là 09 người gồm: Bà Nguyễn Hồng C, bà Hoàng Thị Vân T, bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Hoài T, bà Hoàng Thị Thanh H, chị Nguyễn Hồng H, anh Hoàng Quốc T, anh Hoàng Quốc H.

5. Bà Nguyễn Hồng C, anh Hoàng Quốc T, anh Hoàng Quốc H được quyền quản lý, sử dụng tổng diện tích 96,7m² đất ở và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm có 01 nhà 03 tầng, nhà cấp 3, mái lợp tôn, kết cấu bê tông cốt thép chịu lực xây dựng năm 2003 trên đất, đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số Y190879 số vào sổ 01837QSDĐ/668/2003/QĐ-UB(H) ngày 13/11/2003 mang tên hộ ông Hoàng T (Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 31, diện tích 94,5m², đo đạc thực tế là 96,7m², việc chênh lệch 2,2m² là do sai số đo đạc), diện tích 96,7m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1, B7, A2, A3, B8, A4 thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp (TĐ03-2026) kèm theo Bản án.

Bà Nguyễn Hồng C, anh Hoàng Quốc T, anh Hoàng Quốc H có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu trên và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

6. Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản là tiền lệ phí trước bạ 27.783.000 đồng và 20 % tiền sử dụng đất 37.800.000 đồng, tổng 65.583.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

7. Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản cho bà Hoàng Thị Vân T, bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Hoài T, bà Hoàng Thị Thanh H, chị Nguyễn Hồng H được hưởng trong khối di sản thừa kế, cụ thể:

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản bà Hoàng Thị Vân T được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản bà Hoàng Thị Thúy H được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản bà Hoàng Bích H được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản bà Hoàng Thị Hoài T được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản bà Hoàng Thị Thanh H được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Hồng C có trách nhiệm thanh toán giá trị phần tài sản chị Nguyễn Hồng H được hưởng số tiền là 1.401.644.000 đồng, đã làm tròn (một tỷ, bốn trăm linh một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng:

1. Bà Hoàng Thị Thanh H phải chịu 1.222.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, xác nhận bà Hoàng Thị Thanh H đã nộp đủ.

2. Bà Nguyễn Hồng C phải trả cho bà Hoàng Thị Thanh H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.666.000 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

3. Bà Hoàng Thị Vân T, bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Hoài T, chị Nguyễn Hồng H mỗi người phải hoàn trả bà Hoàng Thị Thanh H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.222.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, về án phí và về quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Vân T, bà Hoàng Thị Thanh H, là các nguyên đơn; bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Thị Hoài T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn; bà Nguyễn Hồng C là bị đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn để cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng xác định nhà đất đang có tranh chấp tại địa chỉ đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn là di sản thừa kế của ông Hoàng T và bà Hà Thị T, chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật, các nguyên đơn được quản lý sử dụng di sản và các nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được hưởng cho người thừa kế khác.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà được hưởng thêm 01 kỷ phần.

Người bảo vệ quyền và ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh H trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà và đất là di sản riêng của ông Hoàng T là sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Tại

đơn đăng ký quyền sử dụng đất, biên bản xác minh nhà đất của UBND phường Hoàng Văn Thụ, biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai phường Hoàng Văn Thụ, công văn của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực đô thị đều thể hiện nguồn gốc sử dụng đất nhận chuyển nhượng năm 1983. Năm 2003 Nhà nước lấy một phần đất của ông Hoàng T và bà Hà Thị T làm đường xuống chợ và có đền bù tiền mặt và một thửa đất ở Khu tái định cư Mỹ Sơn, ông Hoàng T đã dùng số tiền được đền bù đất để xây nhà gạch ba tầng trên phần đất còn lại. Do vậy, đất và nhà tại đường T là di sản của ông Hoàng T và bà Hà Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không có giấy triệu tập hợp lệ người làm chứng là bà Hoàng Thị P tham gia phiên tòa sơ thẩm, không cho đối chất giữa người làm chứng với nguyên đơn, bị đơn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xác định sự thật khách quan củ vụ án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản do bà Hà Thị T để lại là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật, không xem xét, công nhận người trực tiếp quản lý di sản là bà Hoàng Bích H, không xem xét và công nhận thời gian chiếm hữu, quản lý di sản qua từng thời kỳ của bà Hoàng Bích H, bà Hoàng Thị Thanh H, bà Hoàng Thị Thúy H, bà Hoàng Thị Hoài T làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của những người quản lý di sản. Kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, xác định cần phải làm rõ nguồn gốc quyền sử dụng đất và phần tài sản của bà Hà Thị T trong khối tài sản tại thời điểm bà chết, xem xét thời hiệu khởi kiện đối với di sản của bà Hà Thị T, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là được hưởng thêm một suất thừa kế theo pháp luật, trường hợp thấy các thiếu sót về đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm không thể khắc phục đầy đủ tại phiên tòa phúc thẩm, kính đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Hồng C trình bày:

Không nhất trí với toàn bộ nội dung mà phía nguyên đơn kháng cáo. Ngoài những lời trình bày, lời khai, chưa có tài liệu, căn cứ nào xác thực liên quan đến văn bản theo thẩm quyền của Nhà nước ngoài hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng T vào năm 2003 có ghi nhận chuyển nhượng năm 1983, bản thân nguyên đơn không cung cấp được giấy tờ mua bán đất có xác thực việc bà Hà Thị T cùng với ông Hoàng T mua đất. Ngoài ra đối với diện tích đất đang được cho là di sản ông Hoàng T để lại về mặt pháp lý đã được xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn giữa ông Hoàng T và bà V năm 1993. Không chứng minh được bà Hoàng Thị Vân T là người định cư tại nước ngoài do visa không phải chứng cứ chứng minh người Việt Nam định cư tại nước ngoài. Trong nội dung lấy lời khai bà Hoàng Thị P tại cấp sơ thẩm, bà Hoàng Thị P khẳng định không biết bà Chu Thị N cho tiền bà Hà Thị T để làm gì. Việc kháng cáo của bị đơn liên quan đến công sức quản lý di sản, thực tế tình trạng của ông Hoàng T được cấp giấy chứng nhận bệnh binh từ năm 1997, tỷ lệ thương tật 61%, do đó việc chăm sóc một phần có công sức của bị đơn bà

Nguyễn Hồng C, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Hồng C về việc được chia thêm một kỷ phần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Các nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày. Căn cứ Điều 273, 274 Bộ luật tố tụng dân sự kháng cáo là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo, nhận thấy:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ nhà và đất tại phố T, phường K, tỉnh Lạng Sơn là di sản của ông Hoàng T mà không công nhận nguồn gốc di sản có trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Hà Thị T và ông Hoàng T là loại bỏ quyền thừa kế của bà Chu Thị N là mẹ đẻ của bà Hà Thị T và các con đẻ của bà Hà Thị T, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của bà Hà Thị T và bà Chu Thị N; Tòa án cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản do bà Hà Thị T để lại là sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật.

Vì Tòa án đã thu thập đầy đủ các tài liệu và đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị T và ông Hoàng T được là hôn nhân thực tế từ năm 1970 đến ngày bà Hà Thị T chết 24/3/1986 theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Án lệ số 53/2022/AL được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 07/9/2022.

Bởi lẽ đất phát sinh từ nhận chuyển nhượng năm 1983 và trong thời kỳ hôn nhân của ông Hoàng T bà Hà Thị T nên được xác định là tài sản chung và bà Hà Thị T có 1/2 quyền tài sản tương ứng 1/2 di sản đang tranh chấp, nhận thấy, ông Hoàng T chết 05/11/2021 đến ngày 23/10/2025 nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế là vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản của ông Hoàng T để lại. Đối với quan hệ hôn nhân giữa bà Hà Thị T và ông Hoàng T được xác định là hôn nhân thực tế từ năm 1970 đến ngày bà T chết ngày 24/3/1986 (chết trước ngày 10/9/1990, là ngày công bố Pháp lệnh thừa kế, nhưng thời điểm mở thừa kế sau ngày 10/9/1990) nên áp dụng Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị Quyết số 02 ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn - áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; cụ thể: Theo hướng dẫn tại điểm d Mục 10 Nghị Quyết số 02 thì đối với người thừa kế là người chưa thành niên vào thời điểm mở thừa kế

thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế được tính từ ngày họ đủ 18 tuổi. Trong vụ án này có nguyên đơn là Hoàng Thị Thanh H sinh ngày 07/6/1983, như vậy đến ngày 07/6/2001 H mới đủ 18 tuổi, theo quy định tại 623 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối di sản là bất động sản là 30 năm, vậy tính từ ngày 07/6/2001 đến ngày 23/10/2025 là ngày nguyên đơn khởi kiện thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện, do đó nội dung kháng cáo này có căn cứ cần được chấp nhận.

Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng Nghị Quyết số 02 ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế là ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, cấp Phúc thẩm không khắc phục được, cần xem xét giải quyết để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Hồng C. Do có căn cứ hủy án sơ thẩm nên nội dung kháng cáo của bị đơn sẽ được xem xét lại tại cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích, đánh giá trên:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đối với nội dung kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Đối với án phí phúc thẩm: Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai và đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự tuy vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo uỷ quyền có mặt hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại cấp sơ thẩm, các nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ.

[3] Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng T gồm 09 kỷ phần, cụ thể có: Bà Nguyễn Hồng C là vợ; các con ông T gồm: Hoàng Thị Vân T, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Thúy H, Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Thị Hoài T, Nguyễn Hồng H, Hoàng Quốc T, Hoàng Quốc H.

[4] Về xác định nguồn gốc đất là di sản đang tranh chấp chia thừa kế: Đất tranh chấp (đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn) có nguồn gốc là của ông Hoàng

T và bà Hà Thị T mua năm 1983 là tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, khi bà T chết thì năm 1990, ông T lấy vợ lần hai là bà Nguyễn Thị V. Năm 1993 bà V ly hôn với ông T, khi ly hôn bà Nguyễn Thị V được chia đất khoảng 48 m². Đến năm 1997 ông T lấy vợ lần thứ ba là bà Nguyễn Hồng C và đầu những năm 2000, 2001 Nhà nước thu hồi đất để làm đường xuống chợ Giếng Vuông đã thu hồi 64,28m² và được đền bù số tiền trên 300.000.000 đồng và một mảnh đất tái định cư tại khu Mỹ Sơn. Năm 2003 ông T và bà C dùng số tiền đền bù để xây dựng ngôi nhà 03 tầng hiện nay đang tranh chấp.

[5] Xác định di sản thừa kế: Như đã nêu trên thì mảnh đất đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn được hình thành trên cơ sở là đất ông T và bà T tạo lập, bà C không đóng góp gì vì bản thân bà C cũng thừa nhận; các con của ông T, bà T cũng không đóng góp gì. Còn ngôi nhà 03 tầng được xây dựng bằng tiền đền bù từ mảnh đất của ông T bà T nên xác định đây là di sản ông T bà T để lại chưa chia.

[6] Xét kháng cáo của các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn để cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng xác định nhà đất đang có tranh chấp tại địa chỉ đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn là di sản thừa kế của ông Hoàng T và bà Hà Thị T, chia di sản thừa kế này theo quy định của pháp luật, các nguyên đơn được quản lý sử dụng di sản và các nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị di sản được hưởng cho người thừa kế khác.

[6.1] Xét thấy: Cấp sơ thẩm sai sót nghiêm trọng về đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật, nhận định sai sự thật dẫn đến kết luận sai về nguồn gốc đất là di sản là nhà và đất tại đường T. Xác định đất có nguồn gốc là tài sản chung của ông T và bà T, nhưng năm 1986 bà T chết, không để lại di chúc, năm 1990 ông T lấy vợ hai là bà Nguyễn Thị V, năm 1993 thì ly hôn bà V được chia khoảng 48m² đất. Đến năm 2003 sau khi thu hồi đất làm đường xuống chợ Giếng Vuông thì ông T lấy tiền đền bù đất xây nhà 03 tầng sau đây được cấp GCNQSDĐ đất mang tên Hộ ông T. Do đó, thửa đất tại đường T phải được xác định là tài sản chung của ông T và bà T, trong đó các con bà T cùng chung sống tại mảnh đất này, thời kỳ ông T và bà V ly hôn, các con riêng của ông T chưa đủ năng lực pháp luật nên chưa có điều kiện để làm đơn bảo vệ quyền lợi của mình. Xét thấy, cấp sơ thẩm xác định đất tại đường T là di sản riêng của ông T mà không xác định đất là di sản chung giữa ông T và bà T là sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ vi phạm Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân thực tế giữa ông T và bà T, bà C và các con không có đóng góp, nên cần phải xác định là di sản của ông T và bà T chưa chia.

[6.2] Cấp sơ thẩm xác định hết thời hiệu khởi kiện về chia di sản thừa kế của bà Hà Thị T là sai lầm, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì cho rằng: *“Các đương sự cung cấp bà Hoàng Thị Vân T hiện đang sinh sống tại Trung Quốc có Visa thể hiện sinh sống lâu dài từ 2015 đến nay, tuy nhiên trong vụ án*

này, các nguyên đơn yêu cầu chia di sản là căn nhà 03 tầng được vợ chồng ông Hoàng T và bà Nguyễn Hồng C tiến hành xây dựng năm 2003 như vậy đây nhà ngôi nhà xây mới không phải nhà xây từ trước năm 1991 nên không phải là di sản là nhà ở theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 103/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó không có căn cứ xét thời hiệu chia thừa kế quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất để cộng thêm 10 năm 02 tháng đối với Trường hợp thừa kế mở trước ngày 01/7/1991 mà có người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia và di sản thừa kế là nhà ở thì thời hiệu khởi kiện đã hết”. Xét thấy, tại điểm b, Mục 10 Nghị quyết số 02/HĐTP, ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “b) Đối với những việc thừa kế đã mở trước ngày 10-9-1990, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990” và theo điểm d, Mục 10 của Nghị quyết quy định: “Đối với người thừa kế là người chưa thành niên vào thời điểm mở thừa kế thì thời hiệu khởi kiện về thừa kế được tính từ ngày họ đủ 18 tuổi” nên xác định thời điểm mở thừa kế của bà T được tính từ ngày 10/9/1990. Như vậy đối với nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh H sinh ngày 07/6/1983 thì năm 1990 bà H là người chưa thành niên, đến ngày 07/6/2001 thì bà H mới đủ 18 tuổi (tức là đã thành niên) để tính thời điểm mở thừa kế. Do đó, thời hiệu khởi kiện của bà H theo Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa quá 30 năm. Nên bà H yêu cầu chia di sản thừa kế do người chết (bà T) để lại vẫn còn thời hiệu, cấp sơ thẩm không tính thời hiệu là không đúng quy định.

[7] Do cấp sơ thẩm không áp dụng thời hiệu và xác định thừa đất và nhà tại đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn không phải là một phần di sản do bà T để lại nên đã không chia di sản của bà T cho các đồng thừa kế trong đó có kỷ phần của bà N dẫn đến việc không chia kỷ phần của bà N cho các đồng thừa kế thế vị là các con của bà T. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được và việc đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa đảm bảo, chưa toàn diện. Vì vậy, đề vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và bảo đảm nguyên tắc hai cấp xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2026/DS-ST, ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

[8] Do hủy bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết lại tại cấp sơ thẩm.

[9] Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho người kháng cáo.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đề nghị nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn bà Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Vân T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thúy H; hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2026/DS-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án dân sự phúc thẩm: Các bà Hoàng Thị Vân T, Hoàng Bích H, Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thúy H và Nguyễn Hồng C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các bà: Hoàng Bích H; Hoàng Thị Thanh H, Hoàng Thị Vân T, Hoàng Thị Hoài T, Hoàng Thị Thúy H, Nguyễn Hồng C mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001151, số 0001140, số 0001139, số 0001137, số 0001138, số 0001147 nộp ngày 21/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTT khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Đức Trí

